

**SỞ LAO ĐỘNG TB&XH TỈNH HÀ NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ HÀ NAM**

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ VĨ MÔ

NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 285/QĐ-CDN ngày 21 tháng 7 năm 2017 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Hà Nam*

Hà Nam, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên ngành Kế toán doanh nghiệp trường Cao đẳng nghề Hà Nam. Chúng tôi đã thực hiện biên soạn cuốn giáo trình **Kinh tế vĩ mô**.

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Môn học Kinh tế vĩ mô nghiên cứu hoạt động của toàn bộ nền kinh tế như: tăng trưởng kinh tế, sự vận động của giá cả và việc làm, cán cân thương mại, tỷ giá hối đoái....

Với mục tiêu trang bị giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học nói chung và kinh tế vĩ mô nói riêng để phân tích các vấn đề cụ thể như: Tổng cầu, tổng cung, các chính sách kinh tế vĩ mô, tổng sản phẩm quốc dân, thị trường lao động, thị trường tiền tệ, lạm phát thất nghiệp...; sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng để đánh giá tình hình kinh tế xã hội ở tầm vĩ mô và ứng dụng nguyên lý kinh tế để so sánh và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với nền kinh tế, Trường Cao đẳng nghề Hà Nam biên soạn Giáo trình Kinh tế vĩ mô dùng cho trình độ cao đẳng nghề.

Cuốn sách gồm 06 chương:

Chương 1: Khái quát về kinh tế học và kinh tế vĩ mô

Chương 2: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân

Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa

Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

Chương 5: Tổng cung và chu kỳ kinh doanh

Chương 6: Thất nghiệp và lạm phát

Nội dung biên soạn theo hình thức tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Trong quá trình biên soạn tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu liên quan của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề và cập nhật những kiến thức mới nhất.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn học sinh cùng đồng đạo bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nam, ngày.....tháng..... năm 2017.

Người biên soạn

ĐINH AN LINH

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VÀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ.....	8
1. Khái niệm về kinh tế học và những đặc trưng của kinh tế học	8
1.1. Khái niệm kinh tế học	9
1.2. Những đặc trưng của kinh tế học	9
2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học.....	9
2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô.....	10
2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học	11
3. Tổ chức kinh tế của một nền kinh tế hỗn hợp	11
3.1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế	11
3.2. Tổ chức của một nền kinh tế hỗn hợp.....	11
4. Một số khái niệm cơ bản	12
4.1. Yếu tố sản xuất	12
4.2. Giới hạn khả năng sản xuất	12
4.3. Chi phí cơ hội (Opportunity cost – OC).....	14
4.4. Một số khái niệm khác	14
5. Hệ thống kinh tế vĩ mô.....	15
5.1. Tổng cung (AS)	17
5.2. Tổng mức cầu (AD)	17
5.3. Cân bằng tổng cung và tổng cầu	18
6. Mục tiêu và công cụ trong kinh tế vĩ mô	19
6.1. Các mục tiêu kinh tế vĩ mô	20
6.2. Các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu.....	21
Câu hỏi ôn tập	23
CHƯƠNG 2: TỔNG SẢN PHẨM VÀ THU NHẬP QUỐC DÂN	24
1. Tổng sản phẩm quốc dân - Thước đo thành tựu của một nền kinh tế	24
1.1. Các khái niệm cơ bản	24
1.2. Biến danh nghĩa và biến thực tế	25
1.3. Mối quan hệ giữa GDP và GNP.....	26
2. Các phương pháp xác định tổng sản phẩm quốc nội GDP.....	28
2.1. Vòng luân chuyển kinh tế vĩ mô	28
2.2. Phương pháp xác định GDP	29
3. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản	33
3.1. Trong nền kinh tế giản đơn:	33
3.2. Trong nền kinh tế đóng	34
3.3. Trong nền kinh tế mở	34
Câu hỏi ôn tập	35
CHƯƠNG 3: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN... ..	40
1. Tổng cầu và sản lượng cân bằng của nền kinh tế.....	40
1.1. Tổng cầu trong nền kinh tế	40
1.2. Cách xây dựng hàm tổng cầu và xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế	44
2. Chính sách tài khoản	52
2.1. Khái niệm	52
2.2. Cách thức và tác động của chính sách tài khoản	53

2.3. Vấn đề thâm hụt ngân sách và các biện pháp tài trợ	53
Câu hỏi ôn tập	53
CHƯƠNG 4: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	58
1. Chức năng tiền tệ	58
1.1 Định nghĩa	59
1.2. Chức năng tiền tệ	59
1.3. Các loại tiền tệ	59
2.Thị trường tiền tệ	60
2.1. Cầu tiền (MD)	61
2.2. Cung tiền	61
2.3. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ	62
2.4. Ngân hàng trung ương và vai trò kiểm soát tiền tệ	63
3. Mô hình đường IS – LM	65
3.1. Đường IS	65
3.2. Đường LM	69
3.3. Sự kết hợp của đường IS-LM	70
4. Sự kết hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	71
4.1 Chính sách tiền tệ	71
4.2 Sự phối hợp giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	72
Bài tập ôn tập	73
CHƯƠNG 5: TỔNG CUNG VÀ CHU KỲ KINH DOANH	75
1. Thị trường lao động	75
1.1. Cầu lao động	75
1.2. Cung lao động	76
1.3. Sự cân bằng của thị trường lao động	76
2. Tổng cung và các mô hình tổng cung	77
2.1. Tổng cung	77
2.2. Các mô hình tổng cung	79
2.3 Quá trình điều chỉnh của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn	79
3. Chu kỳ kinh doanh	80
3.1 Định nghĩa	80
3.2 Cơ chế của chu kỳ kinh doanh	81
Câu hỏi ôn tập	82
CHƯƠNG 6: THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT	85
1. Thất nghiệp	86
1.1. Khái niệm	88
1.2. Phân loại thất nghiệp	88
1.3 Phân tích thị trường lao động	88
2. Lạm phát	91
2.1. Khái niệm	90
2.2. Phân loại lạm phát	91
3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	94
3.1. Đường Phillips	94
3.2. Trường hợp lạm phát do kéo cầu:	95
3.3. Trường hợp lạm phát chi phí đẩy	96

3.4. Trường hợp lạm phát dự kiến.....	97
3.5.	

TaiLieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kinh tế vĩ mô

Mã môn học: MH 33

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Môn học kinh tế vĩ mô nằm trong nhóm kiến thức cơ sở, được bố trí trước khi học các môn chuyên môn.
- Tính chất: Môn học kinh tế vĩ mô cung cấp những kiến thức làm cơ sở cho học sinh nhận thức và phát triển kỹ năng học các môn chuyên môn của nghề.
- Ý nghĩa môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:
 - + Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học nói chung và kinh tế vĩ mô nói riêng để phân tích các vấn đề cụ thể như: Tổng cầu, tổng cung, các chính sách kinh tế vĩ mô, tổng sản phẩm quốc dân, thị trường lao động, thị trường tiền tệ, lạm phát thất nghiệp.....
- Kỹ năng:
 - + Sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng để đánh giá tình hình kinh tế xã hội ở tầm vĩ mô.
 - + Ứng dụng nguyên lý kinh tế để so sánh và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với nền kinh tế.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có ý thức học tập theo phương pháp suy luận, kết hợp với lý luận thực tiễn
 - + Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật tốt, đoàn kết thân ái với mọi người, có ý thức tự rèn luyện để nâng cao trình độ.
 - + Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật tốt, đoàn kết thân ái với mọi người, có ý thức tự rèn luyện để nâng cao trình độ.
 - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
 - + Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

Nội dung của môn học:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VÀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

Mã chương: 3301

Giới thiệu: Chương này cung cấp các khái niệm cơ bản và một số quy luật, công cụ phân tích quan trọng của khoa học hiện đại, nhằm giúp sinh viên có được kiến thức ban đầu về môn học.

Mục tiêu:

- Nhận biết được các kiến thức cơ bản về kinh tế học nói chung và kinh tế vĩ mô nói riêng.
- Mô tả một cách khái quát các hoạt động của các tác nhân trong nền kinh tế.
- Thu thập được các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, cơ chế vận hành của một nền kinh tế.
- Nghiêm túc trung nghiên cứu.

Nội dung chính:

1. Khái niệm về kinh tế học và những đặc trưng của kinh tế học

1.1. Khái niệm kinh tế học

Bất cứ chế độ xã hội nào con người cũng phải đối mặt với 2 vấn đề:

- + Thứ nhất: nhu cầu con người. Nó chính là mong muốn của con người về việc tiêu dùng các sản phẩm vật chất và phi vật chất (lương thực, thực phẩm, nhà ở, thăm quan du lịch...). Trên thực tế mong muốn này là vô hạn, không bao giờ thoả mãn được.
- + Thứ hai: Các nguồn lực sản xuất (các nguồn tài nguyên thiên nhiên, con người, vốn, thời gian...) lại có hạn, khan hiếm và có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.

Do đó, để tồn tại không còn cách nào khác con người phải tiến hành lựa chọn phương thức phân bổ nguồn lực khan hiếm đó nhằm đáp ứng nhu cầu cần sử dụng cạnh tranh.

Qua phân tích ở trên, chúng ta có thể đi đến một khái niệm về kinh tế học như sau:

Theo P.Samuelson: Kinh tế học là một môn khoa học nghiên cứu xem xét xã hội sử dụng như thế nào nguồn tài nguyên khan hiếm để sản xuất ra những hàng hoá

cần thiết và phân phối cho các thành viên của xã hội.

Theo David Begg (Giáo sư kinh tế học, trường Đại học tổng hợp London Anh): Kinh tế học nghiên cứu cách thức xã hội giải quyết 3 vấn đề kinh tế cơ bản: Sản xuất cái gì? Sản xuất như thế nào? Sản xuất cho ai?

Theo N. Gregory Mankiw (Giáo sư kinh tế học, trường Đại học tổng hợp Harvard - Mỹ): Kinh tế học là môn khoa học nghiên cứu phương thức xã hội quản lý nguồn lực khan hiếm của mình.

Như vậy: *Kinh tế học là môn khoa học lựa chọn, nó nghiên cứu cách thức xã hội phân bổ nguồn tài nguyên khan hiếm cho các mục đích sử dụng cạnh tranh để thoả mãn nhu cầu của con người.*

1.2. Những đặc trưng của kinh tế học

- Đặc trưng thứ nhất của kinh tế học: Là nghiên cứu sự lựa chọn trong hoạt động kinh tế, tức là nghiên cứu sự khan hiếm các nguồn lực một cách tương đối so với nhu cầu kinh tế xã hội.

- Đặc trưng thứ hai của kinh tế học: Là tính hợp lý. Đặc trưng này thể hiện ở chỗ, khi phân tích lý giải một sự kiện kinh tế nào đó phải dựa trên những giả thiết nhất định về diễn biến của những sự kiện này.

- Đặc trưng thứ ba của kinh tế học: Là môn khoa học nghiên cứu mặt lượng. Bởi vì, khi nghiên cứu, phân tích kết quả của hoạt động kinh tế, nếu chỉ nhận định nó tăng lên hay giảm đi thì chưa đủ mà còn phải xác định được sự thay đổi của nó là bao nhiêu?

- Đặc trưng thứ tư của kinh tế học: Là tính toán toàn diện và tính tổng hợp, tức là xem xét các hoạt động và sự kiện kinh tế ta phải đặt nó trong mối liên hệ với các hiện tượng và sự kiện kinh tế khác trên phương diện một nước hoặc nền kinh tế thế giới.

- Đặc trưng thứ năm của kinh tế học: Các kết quả nghiên cứu kinh tế chỉ được xác định ở mức độ trung bình vì kết quả phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau và không thể xác định được chính xác tất cả các yếu tố này.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Kinh tế học trong quá trình phát triển được chia làm 2 phân ngành là Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô.

Kinh tế học vi mô là môn khoa học quan tâm nghiên cứu, phân tích, lựa chọn các vấn đề kinh tế cụ thể của các tế bào kinh tế trong một nền kinh tế. Như hộ gia đình, doanh nghiệp..

Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu sự vận động và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một đất nước trên bình diện toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Có thể hiểu đây là môn khoa học nghiên cứu hoạt động của nền kinh tế với tư cách một tổng thể. Nói cách khác kinh tế học vĩ mô nghiên cứu sự lựa chọn của mỗi quốc gia trước những vấn đề kinh tế và xã hội cơ bản như: tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, xuất nhập khẩu hàng hoá và tư bản, phân phối nguồn lực và phân phối thu nhập giữa các thành viên trong xã hội.

Tùy theo cách thức sử dụng mà kinh tế học được chia làm hai dạng:

- Kinh tế học thực chứng: Là một cách tiếp cận của kinh tế học, nó mô tả phân tích các sự kiện, những mối quan hệ trong nền kinh tế một cách khách quan và khoa học, các vấn đề mang tính nhân quả và thường liên quan đến các câu hỏi, đó là cái gì? Là bao nhiêu? Như thế nào? Tại sao lại như vậy? Điều gì xảy ra nếu...? Nó được xem như là bằng chứng thực tế xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của con người.

VD: Khi nhà nước đánh thuế vào xe ô tô nhập khẩu thì giá xe ô tô trong nước sẽ tăng lên, khi đó người tiêu dùng sẽ mua xe ô tô nhập khẩu ít hơn. Năm 2008 tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là 9 %.

- Kinh tế học chuẩn tắc: Liên quan đến quan điểm đạo lý, chính trị của một cuộc gia.

VD: Giá vé tàu hỏa quá cao vì vậy cần phải giảm giá vé cho sinh viên. Người già bệnh tật ốm đau vì vậy nên trợ cấp thuốc men khám chữa bệnh miễn phí. Hay hút thuốc lá có hại cho sức khỏe vì vậy không nên hút thuốc lá, Nhà nước nên đánh thuế thật cao vào việc sản xuất và tiêu thụ thuốc lá, hoặc cấm quảng cáo thuốc lá dưới mọi hình thức.

2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học

Khác với khoa học tự nhiên, khi nghiên cứu hiện tượng kinh tế người ta thường sử dụng phương pháp quan sát thực tế, xây dựng lý thuyết và tiếp tục quan sát, điều chỉnh lý thuyết. Bởi vì các hiện tượng kinh tế hết sức phức tạp, thường xuyên biến động và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Khi nghiên cứu phải tiến hành thu thập các số liệu.

Sau khi đã thu thập được số liệu, cần tiến hành phân tích với các phương pháp phù hợp. Đời sống kinh tế luôn luôn diễn ra hết sức phức tạp với hàng ngàn loại giá cả, hàng triệu hộ gia đình với vô vàn mối quan hệ chằng chịt và đan xen với nhau. Một phương pháp hết sức quan trọng trong nghiên cứu kinh tế là phương pháp trừu tượng hoá.

Ngoài ra, trong nghiên cứu kinh tế, đặc biệt là kinh tế vĩ mô, người ta thường sử dụng hai phương pháp phổ biến là phương pháp đồ thị và phương pháp phân tích cung cầu.

3. Tổ chức kinh tế của một nền kinh tế hỗn hợp

3.1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế

Do các nguồn tài nguyên khan hiếm nhưng nhu cầu của con người, của xã hội nói chung là vô hạn cho nên các nền kinh tế của bất cứ quốc gia nào cũng phải thực hiện ba chức năng cơ bản đó là sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai?

+ Sản xuất cái gì? Tức là sản xuất hàng hoá dịch vụ nào, số lượng là bao nhiêu, bao giờ thì sản xuất?

+ Sản xuất như thế nào? Tức là sản xuất bằng những đầu vào nào, sản xuất bằng công nghệ nào, giao cho ai sản xuất?

+ Sản xuất cho ai? Tức là sản phẩm sản xuất ra được phân chia thế nào cho các thành viên trong xã hội tiêu dùng.

Ba vấn đề trên là những chức năng cơ bản mà bất kỳ nền kinh tế nào cũng phải thực hiện và không phụ thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế.

3.2. Tổ chức của một nền kinh tế hỗn hợp

a. Nền kinh tế tập quán truyền thống:

Từ thời công xã nguyên thủy, trong xã hội nà các vấn đề cơ bản của nền kinh tế sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai được quyết định theo tập quán truyền thống, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

b. Nền kinh tế chỉ huy, mệnh lệnh (hay kế hoạch hoá tập trung)

Là nền kinh tế trong đó Chính phủ ra mọi quyết định về sản xuất và phân phối. Ba chức năng của một tổ chức kinh tế đề được thực hiện theo kế hoạch tập trung thống nhất của nhà nước.

c. Nền kinh tế thị trường

Là nền kinh tế mà chính phủ không can thiệp vào các hoạt động kinh tế. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế được thực hiện thông qua cơ chế thị trường. Các doanh nghiệp sản xuất những mặt hàng gì đem lại lợi nhuận cao nhất, bằng những kỹ thuật rẻ nhất và tiêu dùng của các hộ gia đình bằng tiền công có được nhờ lao động.

d. Nền kinh tế hỗn hợp:

Là sự kết hợp các nhân tố thị trường, chỉ huy và truyền thống. Các thành phần như: Người tiêu dùng (hộ gia đình); Người sản xuất (các hãng sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp); Chính phủ; Người nước ngoài...đều tham gia kiểm soát nền kinh tế, hoạt động thông qua nền kinh tế thị trường và được kiểm soát bằng những mệnh lệnh và những chính sách nhằm kích thích về tài chính và tiền tệ của chính phủ.

4. Một số khái niệm cơ bản

4.1. Yếu tố sản xuất

- Đất đai và tài nguyên thiên nhiên: Bao gồm toàn bộ đất dùng cho canh tác, xây dựng nhà ở, đường sá... và tài nguyên thiên nhiên như: than đá, dầu lửa, quặng sắt, đồng, bôxít, cây trồng lấy gỗ, làm giấy...

- Lao động: Là năng lực của con người được sử dụng theo mức độ nhất định trong quá trình sản xuất

- Tư bản (vốn): là những hàng hóa hay máy móc, đường sá, nhà xưởng...

4.2. Giới hạn khả năng sản xuất

Để đơn giản hoá trong nghiên cứu, người ta giả định rằng nền kinh tế sử dụng toàn

bộ yếu tố sản xuất chỉ để sản xuất hai loại hàng hoá là lương thực (X) và quần áo (Y). Khả năng sản xuất của nền kinh tế đạt được khi sử dụng toàn bộ yếu tố sản xuất được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.1. Khả năng sản xuất quần áo và lương thực

Khả năng	Lương thực (tấn)	Quần áo (nghìn bộ)
A	0	6
B	1	5
C	2	4
D	3	3
E	4	2
F	5	0

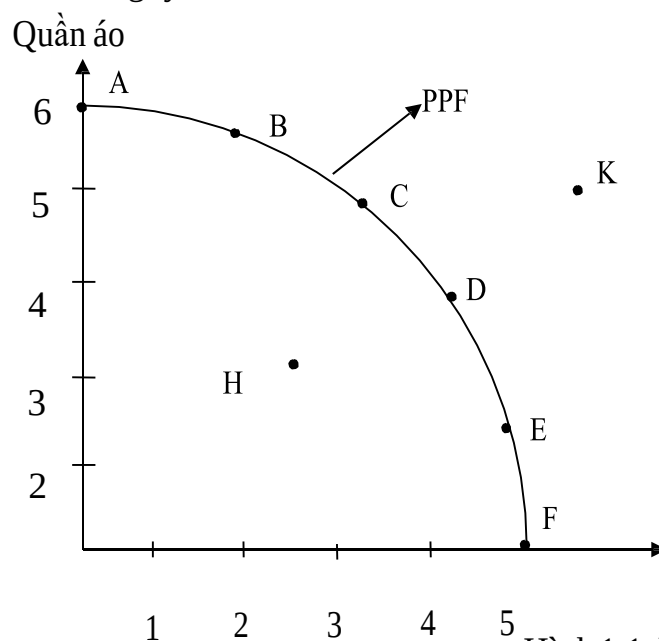
Bảng 1.1. Cho biết khả năng thay thế lẫn nhau khi sản xuất lương thực và quần áo trong điều kiện cho trước về các yếu tố sản xuất.

Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) biểu hiện các tổ hợp hàng hoá và dịch vụ mà một nền kinh tế có thể sản xuất ra khi sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khan hiếm.

- Các điểm nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất cho biết cách kết hợp tốt nhất giữa việc sản xuất hai loại hàng hoá và là những điểm hiệu quả.

- Điểm nằm trong đường giới hạn khả năng sản xuất (H) là điểm không hiệu quả vì lãng phí tài nguyên.

- Điểm nằm ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất (K) là điểm không thể đạt được của nền kinh tế với tài nguyên hiện có.



Hình 1.1: Đường giới hạn khả

năng sản xuất.

Lương thực

TaiLieu.vn

Xét trong khoảng thời gian nhất định, chẳng hạn 1 năm thì nền kinh tế có 1 đường giới hạn khả năng sản xuất tiềm tàng của mình. Theo thời gian, số lượng các yếu tố thay đổi, công nghệ thay đổi nên đường giới hạn cũng thay đổi có thể là dịch chuyển ra ngoài hay vào trong.

4.3. Chi phí cơ hội (Opportunity cost – OC)

Do các nguồn tài nguyên khan hiếm cho nên khi ra bất cứ một quyết định nào (trong sản xuất hoặc tiêu dùng) con người luôn bỏ qua cơ hội để thực hiện một quyết định khác. Đó chính là chi phí cơ hội. *Vậy chi phí cơ hội là lợi ích bị bỏ qua khi các tác nhân trong nền kinh tế đưa ra một sự lựa chọn kinh tế.*

VD: Chẳng hạn, bạn có 200 triệu đồng, nếu bạn đầu tư vào kinh doanh thì bạn bỏ qua cơ hội dùng số tiền đó vào việc khác như gửi số vốn đó vào ngân hàng để lấy lãi, hoặc mua cổ phiếu của công ty cổ phần để hưởng lợi tức.

Sử dụng đường giới hạn khả năng sản xuất, chúng ta có thể tính được chi phí cơ hội khi quyết định sản xuất thêm lương thực. Khi chuyển từ A sang khả năng B tức là sản xuất thêm 1 tấn lương thực ta phải bỏ qua cơ hội sản xuất 1 nghìn bộ quần áo. Chi phí cơ hội là căn cứ quan trọng để chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng lựa chọn và quyết định tối ưu khi lựa chọn phương án hành động.

4.4. Một số khái niệm khác

4.4.1. Quy luật thu nhập giảm dần

Quy luật thu nhập giảm dần (hiệu suất giảm dần) là một hiện tượng phổ biến thường gặp trong các hoạt động kinh tế. Quy luật này phản ánh mối quan hệ giữa yếu tố đầu vào và yếu tố đầu ra đạt được từ các yếu tố đầu vào đó. *Với điều kiện các yếu tố đầu vào khác không đổi, khối lượng đầu ra có thêm sẽ càng giảm khi liên tục bổ thêm những đơn vị bằng nhau của một đầu vào biến đổi.*

VD: Bảng 1.2. Khi các điều kiện đất đai, vốn, kỹ thuật là cố định khi thêm lao động đến một giới hạn nào đó thì mỗi đơn vị lao động tăng thêm phía sau sẽ tạo ra lượng sản phẩm ít hơn mỗi đơn vị tăng thêm trước nó. Phần sản phẩm tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị yếu tố đầu vào đó gọi là sản phẩm biên của đầu vào. Chẳng hạn đầu vào là lao động ta có sản phẩm biên của lao động (MP_L)

4.4.2. Quy luật chi phí tương đối ngày càng tăng

Trong điều kiện nguồn lực khan hiếm, để có thêm số lượng bằng nhau về một mặt hàng xã hội phải hy sinh ngày càng nhiều số lượng mặt hàng khác.

Trở lại ví dụ về đường giới hạn khả năng sản xuất ở hình 1.1. cho chúng ta thấy để có thêm 1 tấn lương thực, nền kinh tế phải cắt giảm ngày càng nhiều đơn vị quần áo (từ A...F), số lượng quần áo phải cắt giảm lần lượt là 0,5; 1; 1,5; 2; 0

Bảng 1.2. Sản phẩm biên của lao động giảm dần

Số lao động (người)	Sản lượng thóc (tạ)	MPL (tạ)
100	2.500	-
101	2.520	20
102	2.535	15
103	2.545	10

5. Hệ thống kinh tế vĩ mô

Theo cách tiếp cận hệ thống, nền kinh tế được xem như là một hệ thống và được gọi là hệ thống kinh tế vĩ mô. Hệ thống này như P.A Samuelson mô tả được đặc trưng bởi 3 yếu tố: đầu vào, đầu ra, hộp đen kinh tế học vĩ mô.

* Các yếu tố đầu vào

- Những tác động từ bên ngoài: Bao gồm chủ yếu các biến phi kinh tế, như thời tiết, khí hậu, quy mô dân số, chiến tranh...

- Những tác động chính sách: Bao gồm các công cụ của Nhà nước nhằm điều chỉnh hộp đen kinh tế vĩ mô hướng tới mục tiêu đã định trước.

* Các yếu tố đầu ra

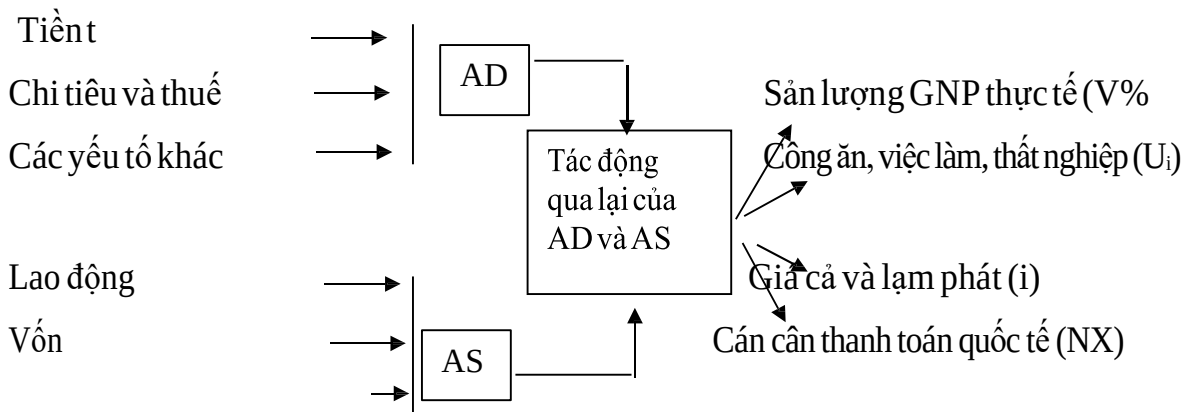
- Đó là: Sản lượng, việc làm, giá cả, thương mại và cán cân thanh toán quốc tế.

- Đó là kết quả hoạt động của hộp đen kinh tế vĩ mô tạo ra.

* Hộp đen của kinh tế học vĩ mô

Hộp đen là yếu tố trung tâm của hệ thống (kinh tế vĩ mô). Hoạt động của hộp đen như thế nào sẽ quyết định chất lượng các biến đầu ra. Hai đại lượng quyết định

hoạt động của hộp đen kinh tế vĩ mô là tổng cung (AS) và tổng cầu (AD).



5.1. Tổng cung (AS)

- Tổng cung (AS) bao gồm tổng khối lượng sản phẩm quốc dân mà các hãng kinh doanh sẽ sản xuất và bán ra trong một thời kỳ tương ứng với giá cả, khả năng sản xuất và chi phí đã cho.

Tổng cung liên quan đến sản lượng tiềm năng. Đó là sản lượng tối đa mà nền kinh tế có thể sản xuất trong điều kiện toàn dụng nhân công. Sản lượng tiềm năng phụ thuộc vào việc sử dụng các yếu tố của sản xuất, đặc biệt là lao động.

Tổng cung phụ thuộc vào giá cả và chi phí. Khi giá cả thấp và chi phí sản xuất cao, các hãng kinh doanh có thể sản xuất ít hơn sản lượng tiềm năng. Với mức giá cao hơn, thì ngược lại. Tuy nhiên, các hãng kinh doanh luôn luôn muốn tăng sản lượng của mình để đạt tới sản lượng tiềm năng. Do vậy, ngoài yếu tố giá cả và chi phí, tổng cung còn chịu ảnh hưởng của yếu tố làm tăng sản lượng tiềm năng. Đó là yếu tố về lao động, tư bản, tài nguyên thiên nhiên và công nghệ.

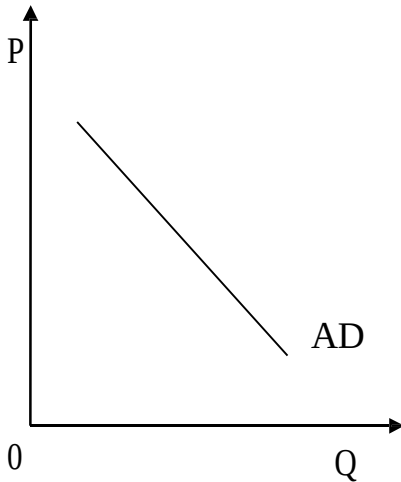
5.2. Tổng mức cầu (AD)

Tổng cầu là tổng khối lượng hàng hoá và dịch vụ (tổng sản phẩm quốc dân) mà các tác nhân trong nền kinh tế sẽ sử dụng tương ứng với mức giá cả, thu nhập và các biến số kinh tế khác đã cho.

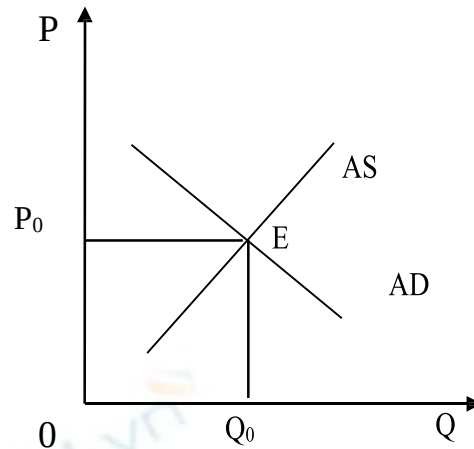
Tổng mức cầu còn phụ thuộc vào giá cả, thu nhập của công chúng, vào dự đoán của các hãng kinh doanh về tình hình kinh tế cũng như các chính sách khác như

thuế, chi tiêu của chính phủ, khối lượng tiền tệ và lãi suất.

5.3. Cân bằng tổng cung và tổng cầu



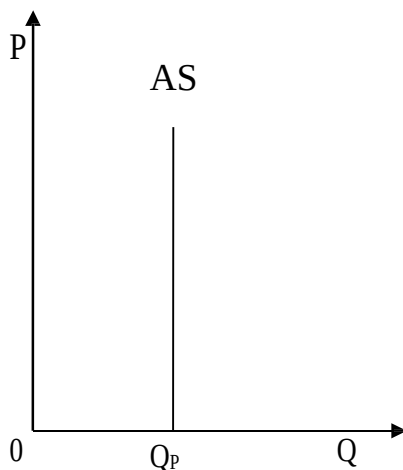
Hình 2.1 Đường tổng cầu



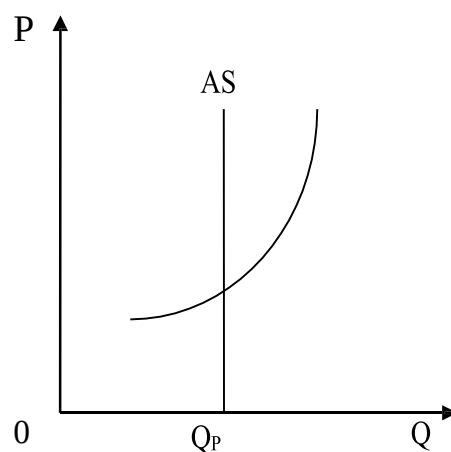
Hình 2.2 Sự cân bằng tổng cung và tổng cầu

Hình 2.1. là đồ thị của tổng cầu. Trục tung là mức giá chung. Trục hoành là sản lượng (GNP thực tế). Đường tổng cầu có độ dốc xuống. Điều này hàm ý, khi mức giá chung giảm đi khối lượng chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế có xu hướng tăng lên, tổng cầu tăng lên.

Nguyên nhân dẫn đến điều đó là do khi giá cả giảm, thu nhập thực tế của công chúng tăng lên, chi tiêu thực tế sẽ cao hơn, tổng cầu do đó sẽ tăng lên.



(a) Sản lượng thực tế (GNP) trong dài hạn hạn



(b) Sản lượng thực tế (GNP) trong ngắn hạn hạn

Hình 2.3 Đường tổng cung ngắn hạn và dài hạn

Hình 2.3. (a) là đường tổng cung dài hạn. Đó là đường song song với trục tung và cắt trục hoành tại mức sản lượng tiềm năng.

Hình 2.3.(b) là đường tổng cung ngắn hạn. Đường tổng cung ban đầu tương đối thoải, khi vượt qua điểm sản lượng tiềm năng đường tổng cung sẽ dốc ngược lên. Điều này nói lên rằng, dưới mức sản lượng tiềm năng, một sự thay đổi nhỏ về giá cả đầu ra sẽ khuyến khích khách hàng tăng nhanh sản lượng để đáp ứng nhu cầu đang tăng lên. Sở dĩ các hãng đang hành động như vậy vì trong khoảng thời gian ngắn, đứng trước giá đầu vào cố định, họ có thể đồng thời tăng sản lượng và tăng giá chút ít để thu lợi nhuận.

Về mặt dài hạn, khi giá đầu vào chưa kịp điều chỉnh thì các hãng không còn động lực để tăng sản lượng. Giá cả sẽ tăng lên nhanh chóng để đáp ứng với sự thay đổi của tổng mức cầu. Đường cung dài hạn do đó là đường thẳng đứng.

Nếu ghép lại hai mặt của nền kinh tế mặt cung và mặt cầu lại với nhau bằng cách đưa hai đồ thị AD và AS vào cùng một hệ trục ta sẽ thấy hai đường đó cắt nhau tại điểm E. Điểm E là điểm cân bằng của nền kinh tế. Tại điểm cân bằng, tổng cung bằng tổng cầu, hay nói cách khác, toàn bộ nhu cầu của nền kinh tế được các hãng kinh doanh đáp ứng đầy đủ. Giao điểm của đường tổng cung và đường tổng cầu đồng thời xác định mức giá cả cân bằng P_0 và sản lượng Q_0 .

*** Sự dịch chuyển đường tổng cung và tổng cầu**

Cần phân biệt sự dịch chuyển đường tổng cung và tổng cầu và sự dịch chuyển toàn bộ hai đường trong hệ trục.

- Sự di chuyển dọc đường tổng cung AS và tổng cầu AD biểu thị những thay đổi trong tổng mức cung hoặc mức cầu là do giá cả thay đổi.

- Sự dịch chuyển toàn bộ đường tổng cung AS và tổng cầu AD biểu thị những thay đổi tổng cung và tổng cầu do sự thay đổi của những biến số khác (ngoài giá cả).

Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải hoặc sang trái chủ yếu phụ thuộc vào các biến chính sách như: thuế, chi tiêu của chính phủ, lãi suất...

Đường tổng cung dịch chuyển sang phải hoặc sang trái phụ thuộc vào tác động của lao

động, tư bản, tài nguyên, công nghệ và chi phí đầu vào khác.

Khi nghiên cứu tác động của một yếu tố nào đó đến tổng cầu AD và tổng cung AS người ta thường cố định những nhân tố khác, làm cho việc phân tích dễ dàng hơn.

6. Mục tiêu và công cụ kinh tế vĩ mô

6.1. Các mục tiêu kinh tế vĩ mô

Thành tựu kinh tế quốc dân của một nước thường được đánh giá qua dấu hiệu chủ yếu: Ổn định, tăng trưởng, việc làm và công bằng xã hội, chính vì vậy chính sách kinh tế vĩ mô phải hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

a. Mục tiêu sản lượng

- Thước đo cuối cùng để đánh giá thành công kinh tế là nước đó tạo ra sản lượng cao, tăng nhanh được hàng hoá dịch vụ đáp ứng được nhu cầu xã hội.

- Thước đo sản lượng toàn diện là tổng sản phẩm quốc dân (GNP_r).

- Những thay đổi của tổng sản phẩm quốc dân thực tế là thước đo tốt nhất để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Đạt sản lượng tiềm năng (GNP được duy trì ở mức tối ưu hay GNP trong điều kiện có nhiều công ăn việc làm, đó là tổng sản phẩm quốc dân thực tế, cao nhất mà nền kinh tế có thể duy trì mà không đẩy tỷ lệ lạm phát lên).

b. Mục tiêu việc làm

- Đạt được tỷ lệ công ăn việc làm cao, không chỉ đơn thuần là mục tiêu kinh tế mà còn ảnh hưởng lớn về tâm lý, xã hội.

- Tạo được nhiều công ăn việc làm, làm giảm thất nghiệp tự nguyện, duy trì ở mức thất nghiệp tự nhiên.

c. Mục tiêu giá cả

- Đảm bảo ổn định giá cả trong điều kiện thị trường tự do hoạt động. Giá cả cũng không tăng cũng không giảm quá nhanh, nghĩa là tỷ lệ lạm phát được đo bằng mức độ thay đổi giữa giá thời kỳ trước với giá thời kỳ sau gần bằng không.

- Giá cả do thị trường tự do quyết định là một cách có hiệu quả để tổ chức sản